ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC TÁI CƠ CẤU NGÀNH CÔNG THƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

● TRẦN HUY HOÀN

TÓM TẮT:

Bài viết tập trung đánh giá thực trạng phát triển ngành Công Thương giai đoạn 2011-2020 (bao gồm kết quả đạt được và các hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm); phân tích, dự báo bối cảnh phát triển có tác động đến phát triển Ngành và đưa ra một số đề xuất về quan điểm và định hướng chiến lược tái cơ cấu và phát triển ngành Công Thương trong 10 năm tới.

Từ khóa: tái cơ cấu, ngành Công Thương, công nghiệp, thương mại.

1. Kết quả tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn 2011-2020

Thực hiện chủ trương của Đảng và Quốc hội về tái cơ cấu nền kinh tế nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2146/QĐ-TTg ngày 01/12/2014 phê duyệt "Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030" và Quyết định số 598/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 thông qua "Kế hoạch cơ cấu lại ngành Công nghiệp giai đoạn 2018-2020, xét đến năm 2025.

1.1. Những thành quả đạt được

Sau gần 10 năm triển khai thực hiện tái cơ cấu, ngành Công Thương đã từng bước khẳng định vai trò quan trọng, là động lực cho tăng trưởng kinh tế và trong những giai đoạn khó khăn gần đây (như chiến tranh thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc, đại dịch COVID-19,...) và có những đóng góp quan trọng cho chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp và dịch vụ; là ngành có đóng góp trực tiếp lớn nhất vào GDP trong các ngành kinh tế vào năm 2020 với xấp xỉ 45,5% (trong đó, công nghiệp chiếm 30,9%; thương mại trong nước chiếm 9,8% và xuất nhập khẩu chiếm 5,8%).

- *Quá trình tái cơ cấu ngành công nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động đã đi vào thực chất hơn,* ngày càng hướng vào lõi công nghiệp hóa; Việt Nam dần trở thành một trong những trung tâm sản xuất công nghiệp của thế giới và thuộc nhóm quốc gia có năng lực cạnh tranh công nghiệp (CIP) trung bình cao toàn cầu và ASEAN-4, với vị trí thứ 36 trên thế giới (năm 2019).

- *Ngành năng lượng phát triển nhanh, tương đối đồng bộ trong tất cả các phân ngành, lĩnh vực;* cơ bản đảm bảo ổn định cung cầu về năng lượng cho phát triển kinh tế và sinh hoạt của người dân, từng bước chuyển dịch theo hướng thị trường cạnh tranh. Năng lượng tái tạo dần trở thành nguồn cung quan trọng và thực hiện xanh hóa ngành năng lượng.

- Thương mại quốc tế với đóng góp tích cực của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế (với 17 FTA đã được ký kết và 15 FTA đã đi vào thực thi), đã mở rộng không gian và động lực tăng trưởng cho xuất nhập khẩu và là điểm sáng trong tăng trưởng kinh tế của Việt Nam; quy mô xuất khẩu đứng thứ 2 ASEAN (sau Singapore) và thứ 20 thế giới (năm 2020) và đứng thứ 17 về xuất khẩu công nghiệp chế biến, chế tạo (năm 2019) với một số ngành đã hội nhập thành công vào chuỗi giá trị toàn cầu như điện tử, dệt may, da giày,...

- Thương mại trong nước trở thành động lực tăng trưởng mới của Ngành. Sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử đã thực sự trở thành trụ đỡ quan trọng, đảm bảo thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là trong những giai đoạn gặp khó về thị trường bên ngoài. Thị trường trong nước liên tục được mở rộng, xếp thứ 3 trong khu vực ASEAN (sau Indonesia và Thái Lan) về quy mô bán lẻ và thương mại điện tử, trở thành một trong những thị trường bán lẻ hấp dẫn nhất thế giới; thuộc nhóm 30 quốc gia có tầng lớp tiêu dùng trung lưu lớn nhất thế giới và tăng trưởng nhanh nhất khu vực ASEAN.

1.2. Những hạn chế còn tồn tại

Mặc dù vậy, quá trình tái cơ cấu của ngành Công Thương gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng thời gian qua thực hiện còn chậm, quá trình công nghiệp hóa chưa tạo ra các chuyển biến rõ nét. Tỷ trọng ngành công nghiệp và thương mại trong GDP thay đổi chậm qua các năm (từ 35,1% năm 2011 lên 39,2% năm 2020). Cơ cấu thị trường có sự mất cân đối giữa thị trường ngoài nước so với thị trường trong nước (thị trường xuất nhập khẩu có quy mô hơn 4 lần so với thị trường trong nước).

- Ngành công nghiệp của Việt Nam mới phát triển về chiều rộng mà chưa phát triển về chiều sâu, tiến trình công nghiệp hóa trong công nghiệp thực hiện chậm. Tăng trưởng công nghiệp vẫn tiếp tục dựa vào mở rộng quy mô đầu tư. Năng suất lao động còn thấp so với các nước trong khu vực, chưa thực sự dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghệ sản xuất trong công nghiệp chậm được đổi mới. Công nghiệp chế biến chế tạo hoạt động ở phân khúc thấp trong chuỗi giá trị toàn cầu, chủ yếu là gia công, lắp ráp; Các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp hỗ trợ chậm phát triển; trình độ công nghệ hạn chế; các doanh nghiệp trong nước quy mô nhỏ; Năng lực tự chủ của ngành công nghiệp còn chưa cao, đặc biệt là các ngành công nghiệp nền tảng (hóa chất, cơ khí, thép,...) và công nghiệp hỗ trợ dẫn đến phụ thuộc chủ yếu vào nhập khẩu; Phân bố không gian các ngành công nghiệp chưa khai thác tốt lợi thế cạnh tranh của các vùng, chưa hình thành được các cụm ngành công nghiệp chuyên môn hóa để liên kết phát triển chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị các ngành công nghiệp. Mức độ tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất công nghiệp còn cao, dẫn đến các nguy cơ về ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu.

- Ngành năng lượng phát triển còn chưa thực sự đồng bộ, hiệu quả và còn đối mặt với nhiều thách thức về đảm bảo an ninh năng lượng. Nguồn cung năng lượng trong nước đã chạm trần tăng trưởng (chẳng hạn như dầu khí, than); Hiệu quả khai thác, sử dụng năng lượng còn thấp, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả thấp. Cơ sở hạ tầng ngành năng lượng còn thiếu và chưa đồng bộ; Thị trường năng lượng cạnh tranh chưa đồng bộ; chưa cân đối giữa các vùng miền, cơ cấu nguồn và truyền tải,...

- Xuất nhập khẩu của Việt Nam chưa khai thác một cách hiệu quả tiềm năng, lợi thế của đất nước và chưa thực sự bền vững. Xuất khẩu phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu và khu vực FDI với giá trị gia tăng nội địa đạt thấp; chi phí logictics vẫn còn cao; Mức độ đa dạng hóa thị trường và sản phẩm ít thay đổi.

Quản lý nhập khẩu còn nhiều bất cập; công tác quản lý cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng; phòng vệ thương mại vẫn còn hạn chế nhất định; hội nhập quốc tế về kinh tế mới chỉ tập trung vào chiều rộng mà chưa đi vào chiều sâu, dẫn đến mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam ngày càng phụ thuộc nhiều vào bên ngoài cả về vốn, công nghệ, thị trường.

- Thương mại trong nước chưa khai thác hết tiềm năng của khu vực thị trường gần 100 triệu dân, với sự tăng trưởng nhanh của tầng lớp trung lưu; Dung lượng của thị trường trong nước còn thấp, nhỏ hơn 1/2 lần so với thị trường xuất khẩu; hệ thống hạ tầng

thương mại chưa đồng bộ, hiện đại, đặc biệt là ở nông thôn, miền núi; tình trạng hàng giả, hàng kém chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm vẫn còn bất cập; công tác cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng vẫn còn chưa hiệu quả.

1.3. Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế

Những hạn chế kể trên do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó, đặc biệt là các nguyên nhân chủ quan, như: (i) Hệ thống thể chế, chính sách, pháp luật thực thi tái cơ cấu ngành còn chưa đủ mạnh; (ii) Chưa hình thành được khung chính sách phát triển công nghiệp đồng bộ để thúc đẩy phát triển công nghiệp từ trung ương đến địa phương, đặc biệt là phát triển các ngành công nghiệp nền tảng; Khung chính sách, pháp luật về thương mại còn chậm được điều chỉnh phù hợp với các FTA đã ký kết; (iii) Mô hình tăng trưởng của ngành chậm thích ứng với các yếu tố, như: đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững, chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu, thuận lợi hóa thương mại, phát triển cụm ngành công nghiệp chuyên môn hóa, thương mại dịch vụ, thể chế vùng,... cũng như xử lý các cú sốc từ bên ngoài (xung đột thương mại, đại dịch COVID-19); (iv) Khoa học công nghệ, nguồn nhân lực phát triển chưa đáp ứng nhu cầu tái cơ cấu Ngành; (v) Chưa tận dụng tốt các cam kết quốc tế để thúc đẩy cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phân bổ các nguồn lực một cách hiệu quả, khơi thông sản xuất và tận dụng tốt các cơ hội thị trường do hội nhập mang lại;...

1.4. Bài học kinh nghiệm

Từ phân tích kết quả tái cơ cấu ngành Công Thương thời gian qua, tác giả rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

(i) Cần tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế, khung khổ pháp luật, các cơ chế, chính sách đầy đủ để tạo lập không gian phát triển ngành; coi trọng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là nền tảng quan trọng và là động lực chủ yếu cho phát triển.

(ii) Tập trung cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước của Ngành một cách tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả để thực thi nhiệm vụ; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; đổi mới tư duy và hành động; linh hoạt, chủ động thích ứng với những vấn đề mới; phát huy tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là nội lực.

(iii) Trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện, phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực; coi trọng chất lượng và hiệu quả thực tế; có hệ thống theo dõi, giám sát thông qua hệ thống các chỉ tiêu đo lường kết quả tái cơ cấu ngành trong từng ngành, lĩnh vực và từng địa phương để có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy triển khai các nhiệm vụ đề ra đạt mục tiêu.

2. Bối cảnh và những cơ hội, thách thức đặt ra cho phát triển công nghiệp và thương mại của Việt Nam trong thời gian tới

2.1. Tác động từ tình hình kinh tế trên thế giới

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới trong giai đoạn tới được dự báo sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; chủ nghĩa dân tộc cực đoan, gia tăng chủ nghĩa bảo hộ của một số đối tác thương mại lớn của Việt Nam, xung đột cục bộ, sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên là những thách thức lớn đe dọa sự ổn định và phát triển ở một số khu vực, quốc gia; Đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, với những biến chủng mới khó lường, khó kiểm soát, có thể tác động lâu dài đến nền kinh tế thế giới; làm thay đổi sâu sắc trật tự, cấu trúc kinh tế, phương thức quản trị toàn cầu.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động nhanh, sâu rộng đến mọi mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường và đưa kinh tế số trở thành xu hướng tăng trưởng của thời đại, tạo cơ hội cho các nước đi sau tăng tốc phát triển nếu đi đúng hướng, bắt đúng nhịp; nhưng cũng đối mặt với nguy cơ bị bỏ lại phía sau do tiến bộ công nghệ có thể làm thay đổi bản chất của thương mại, đầu tư và lao động dẫn đến sự dịch chuyển ngược và thu hẹp lại của các chuỗi cung ứng toàn cầu. Hội nhập quốc tế về kinh tế qua các liên kết kinh tế khu vực và song phương tiếp tục được thúc đẩy. Tuy nhiên, việc duy trì các liên kết kinh tế toàn cầu sẽ đối mặt với nhiều trở ngại với việc gia tăng các hàng rào bảo hộ thương mại phi thuế quan, ảnh hưởng đến nỗ lực thúc đẩy xuất khẩu.

Các rủi ro an ninh phi truyền thống và xuyên

biên giới (biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường, cạn kiệt tài nguyên, thiên tai, dịch bệnh, nghèo đói,...) tác động không thuận lợi đối với hoạt động thương mại, đầu tư và sản xuất công nghiệp ở các nước, nhưng cũng làm gia tăng xu hướng hợp tác giữa các quốc gia để hướng tới phát triển nhanh và bền vững; chuyển đổi mô hình kinh tế theo hướng thân thiện hơn với môi trường và phát triển bền vững như kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các bon thấp gắn với xanh hóa các ngành công nghiệp, năng lượng và tiêu dùng xanh sẽ là xu thế rõ nét hơn trong thời kỳ tới.

2.2. Tác động từ tình hình kinh tế trong nước

Ở trong nước, sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể về phát triển kinh tế - xã hội, năng lực quản trị nhà nước được cải thiện, vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Chất lượng tăng trưởng kinh tế tiếp tục được cải thiện, Việt Nam đang ngày càng tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu và dần trở thành một trong những trung tâm sản xuất cho xuất khẩu của toàn cầu, có sức hấp dẫn lớn đối với các công ty đa quốc gia và là thị trường tiêu thụ lớn 100 triệu dân, với sự gia tăng ngày càng cao của tầng lớp trung lưu.

Quá trình cải cách thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh, quản trị nhà nước theo hướng nền kinh tế đầy đủ và thực thi Chính phủ kiến tạo ngày càng được nâng cao; Hội nhập quốc tế về kinh tế tiếp tục phát huy vai trò mở rộng không gian và động lực cho tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là cơ hội mở rộng thị trường, đầu tư cho phát triển công nghiệp và thực hiện công nghiệp hóa, là cửa ngõ đi vào các thị trường thế giới với 17 FTA đã được ký kết; Khu vực kinh tế tư nhân đang từng bước được củng cố và dần trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế.

Tuy nhiên, quá trình tái cơ cấu nền kinh tế chuyển dịch còn chậm; năng lực tiếp cận về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và kinh tế số còn hạn chế; các yếu tố nền tảng như thể chế, hạ tầng, nguồn nhân lực, công nghệ,... chưa đáp ứng yêu cầu để đưa Việt Nam sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Độ mở của nền kinh tế lớn, làm cho nền kinh tế dễ bị tổn thương hơn trước các tác động từ bên ngoài, mức độ tham gia của ngành công nghiệp Việt Nam vào các chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực mới chỉ ở các công đoạn giản đơn, giá trị gia tăng thấp, phụ thuộc lớn vào khu vực FDI cả trong sản xuất và xuất khẩu, chưa thực sự kết nối một cách chặt chẽ với khu vực trong nước. Khung khổ pháp lý còn chậm đổi mới để tạo lập các điều kiện thuận lợi cho phát triển các mô hình kinh tế mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam tiếp tục đối mặt với các vấn đề về gia tăng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, khan hiếm nguồn cung nguyên nhiên vật liệu, suy giảm tài nguyên,... do mở rộng sản xuất và tiêu dùng, đặt ra yêu cầu phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững hơn, xanh hơn.

3. Định hướng chiến lược tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn 2021-2030

3.1. Về quan điểm

Một là, tái cơ cấu để thực hiện phát triển nhanh và bền vững ngành Công Thương, trên cơ sở phát huy vai trò động lực của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành; cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và địa bàn để phát huy tối đa lợi thế so sánh của quốc gia, vùng và địa phương trong chuỗi giá trị; chủ động, đi trước một bước trong việc thử nghiệm và phát triển các mô hình tăng trưởng mới, khai thác có hiệu quả thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình hội nhập quốc tế.

Hai là, xây dựng năng lực nội tại của ngành Công Thương dựa trên cơ sở tự chủ về sản xuất và thị trường để hình thành năng lực sản xuất quốc gia mới có tính độc lập, thích ứng và chống chịu cao trước các tác động lớn, bất thường từ bên ngoài, bảo đảm tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu; phát huy thế mạnh của thị trường trong nước để củng cố nội lực là yếu tố quan trọng gắn với mở rộng, đa dạng hóa thị trường bên ngoài để tăng cường sức mạnh tổng hợp của đất nước, nâng cao chất lượng tăng trưởng, chủ động hơn trong cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

Ba là, tái cơ cấu ngành Công Thương phải được thực hiện đồng bộ trong tổng thể cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, đảm bảo đồng bộ với tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực trọng tâm khác của nền kinh tế; đồng bộ hóa các chính sách công nghiệp, thương mại với các chính sách khác để tạo lập các điều kiện cần và đủ cho thực hiện tái cơ cấu ngành, gồm: tài chính, tiền tệ, đầu tư, khoa học công nghệ, lao động, giáo dục đào tạo, giao thông vận tải, xây dựng, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu, giảm nghèo, hội nhập và các chính sách khác.

Bốn là, gắn với đổi mới tư duy và hành động tiên phong để thực hiện tái cơ cấu ngành Công Thương; lấy cải cách, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập là điều kiện tiên quyết; đảm bảo thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế số là đột phá; khoa học công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao là công cụ; khu vực kinh tế tư nhân là lực lượng quan trọng thực hiện tái cơ cấu ngành; xanh hóa ngành Công Thương gắn với bảo vệ môi trường, giảm thiểu biến đổi khí hậu là mục tiêu mang tính lâu dài, chiến lược.

Năm là, tái cơ cấu ngành Công Thương phải được thực hiện một cách có trọng tâm, triệt để, quyết liệt với sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các cấp ủy, chính quyền Trung ương và địa phương, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; phát huy vai trò tiên phong, chủ động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở củng cố nhận thức, tăng cường đồng thuận, kết hợp hiệu quả giữa điều phối, phối hợp với phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ, theo nguyên tắc bám sát thực tiễn, coi trọng thực chất; có hệ thống theo dõi, giám sát thông qua các chỉ tiêu cụ thể đo lường kết quả tái cơ cấu và gắn liền với trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, hiệu quả các nhiệm vụ đạt mục tiêu đề ra.

3.2. Một số định hướng chiến lược

Một là, xác định các động lực tăng trưởng mới của ngành Công Thương, tăng cường sức chống chịu trước các cú sốc bên ngoài và khai thác có hiệu quả quá trình hội nhập.

- *Về phát triển công nghiệp:* Trọng tâm ưu tiên là phát triển công nghiệp nền tảng để làm chủ khu vực sản xuất, đặc biệt là tư liệu cho các ngành công nghiệp xuất khẩu và nâng cao năng lực tự chủ về sản xuất; Phát triển công nghiệp chế tạo thông minh là bước đột phá nhằm hình thành năng lực sản xuất mới gắn với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- *Về năng lượng:* Phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; hình thành các trung tâm năng lượng lớn theo lợi thế cạnh tranh của các địa phương; phát triển hệ thống thị trường năng lượng đồng bộ, cạnh tranh, minh bạch, đa dạng hóa hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh để huy động các nguồn lực của nền kinh tế cho phát triển ngành.

- *Về thị trường:* Phát huy thế mạnh của thị trường trong nước để củng cố nội lực là yếu tố quyết định gắn với mở rộng thị trường bên ngoài, trong đó, xác định thương mại điện tử là động lực tăng trưởng quan trọng của kinh tế số. Ưu tiên phát triển các mô hình kinh tế tiêu dùng mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế đêm, kinh tế du lịch, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số,...

Nâng cao chất lượng xuất khẩu và đẩy mạnh phát triển thương hiệu hàng Việt Nam, gia tăng tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa có hàm lượng chế biến sâu, công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao và tỷ lệ nội địa hóa lớn. Tập trung phát triển xuất khẩu sang các khu vực thị trường và mặt hàng xuất khẩu mới và qua các nền tảng số.

Hai là, tập trung nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng trong sản xuất, xuất khẩu và sức cạnh tranh của Ngành.

Nhấn mạnh các nội dung về phát triển kinh tế số và chuyển đổi số với việc ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao là nền tảng cơ bản để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của ngành gắn liền với tiếc tiếp tục cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực theo chiều sâu.

Ba là, chú trọng nâng cấp và phát triển các chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị của các ngành dựa

trên các lợi thế so sánh ở cấp độ quốc gia, vùng và địa phương để nâng cao giá trị gia tăng, tăng cường năng lực tự chủ của ngành Công Thương.

- *Trong công nghiệp:* Tập trung phát triển hoàn chỉnh hệ thống sản xuất công nghiệp trong nước thông qua việc nâng cấp và phát triển chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị của các ngành công nghiệp; chú trọng nội địa hóa chuỗi cung ứng các ngành công nghiệp để giảm phụ thuộc vào nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và tăng cường tính tự chủ của ngành;

Cơ cấu lại không gian lãnh thổ phát triển các ngành công nghiệp theo hướng hình thành hệ thống cụm liên kết các ngành công nghiệp chuyên môn hóa và các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, hiệu quả cao theo lợi thế của các địa phương tại một số vùng, địa bàn trọng điểm;

Phát triển và nâng cấp lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu đối với ngành công nghiệp xuất khẩu có sức cạnh tranh quốc tế.

- *Trong ngành năng lượng:* Phát triển chuỗi cung ứng ngành dầu khí một cách đồng bộ, hoàn chỉnh có tính kết nối cao 4 lĩnh vực cốt lõi, gồm: tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí; công nghiệp khí; chế biến dầu khí; vận chuyển, tồn trữ và phân phối sản phẩm dầu mỏ; Phát triển chuỗi cung ứng ngành điện theo hướng đồng bộ hóa từ khâu phát triển nguồn điện, phát điện, truyền tải đến phân phối đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ thống điện và thị trường điện.

- *Trong hoạt động xuất nhập khẩu:* Nâng cấp và phát triển hoàn chỉnh hệ sinh thái xuất nhập khẩu nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển đồng bộ và hiệu quả hệ thống hạ tầng logictics phục vụ xuất nhập khẩu; đẩy mạnh phát triển thương hiệu hàng Việt Nam ở nước ngoài, nâng cao khả năng đáp ứng quy định, tiêu chuẩn cao về chất lượng của các thị trường xuất khẩu.

- *Trong phát triển thị trường trong nước:* Phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa trong nước để kết nối giữa sản xuất với thị trường, thực hiện nhất quán quản lý chất lượng hàng hóa lưu thông trong nước bằng các quy định, tiêu chuẩn phù hợp với thông lệ quốc tế; ưu tiên phát triển chuỗi cung ứng các mặt hàng nông sản, thực phẩm.

Bốn là, hình thành hệ thống các tập đoàn, doanh nghiệp lớn có thương hiệu và có năng lực cạnh tranh toàn cầu gắn với tăng cường quản lý cạnh tranh, chống độc quyền.

- *Trong công nghiệp:* Hình thành một số tập đoàn công nghiệp đa quốc gia của Việt Nam có thương hiệu, có năng lực cạnh tranh quốc tế trong một số ngành công nghiệp Việt Nam có lợi thế cạnh tranh, đóng vai trò dẫn dắt phát triển Ngành.

- *Trong thương mại:* Phát triển một số tập đoàn bán lẻ trong nước có thương hiệu lớn và có khả năng cạnh tranh trong khu vực với hệ thống phân phối hiện đại, làm chủ hệ thống tổng kho, trung tâm logistics và nguồn cung ứng hàng hóa, có vai trò nòng cốt, dẫn dắt thị trường để định hướng sản xuất và tiêu dùng, chiếm lĩnh phần lớn quy mô thị trường bán lẻ.

Năm là, xanh hóa ngành Công Thương, thực hiện phát triển bền vững

Chú trọng phát triển công nghiệp xanh và đẩy mạnh xanh hóa công nghiệp; tập trung phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và đảm bảo sản xuất, phân phối và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thúc đẩy tiêu dùng xanh và phát triển kinh tế tuần hoàn ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Chính trị (2021), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.*

2. Bộ Công Thương (2021), *Báo cáo xây dựng Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn 2021-2030.*

3. European Union (2020), A new Industrial Strategy for a globally competitive, green and digital Europe.

4. German Government (2019), National Industrial Strategy 2030 - Strategic guidelines for a German and European industrial policy.

5. Trần Huy Hoàn (2021), *Nghiên cứu đề xuất định hướng chiến lược phát triển ngành Công Thương giai đoạn 2021-2030,* Đề tài khoa học - công nghệ cấp Bộ.

6. Trần Văn Thọ (2016), *Công nghiệp hóa Việt Nam trong giai đoạn mới,* Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế về chính sách công nghiệp quốc gia của Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến 2045.

Ngày nhận bài: 8/5/2022
Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 21/5/2022
Ngày chấp nhận đăng bài: 10/6/2022

Thông tin tác giả:
TS. TRẦN HUY HOÀN
Bộ Công Thương

THE STRATEGIC ORIENTATION FOR RESTRUCTURING THE INDUSTRY AND TRADE SECTOR IN VIETNAM FOR THE PERIOD 2021 TO 2030

● Ph.D **TRAN HUY HOANG**
Ministry of Industry and Trade

ABSTRACT:

This paper assesses the current development of the Industry and Trade sector in Vietnam in the period from 2011 to 2020, including the sector's achieved results, limitations, causes, and lessons learnt. The paper also analyzes and forecasts the development context that will impact the Industry and Trade sector's development in the next 10 years and makes some proposals on the viewpoints and strategic orientations for restructuring and developing the Industry and Trade sector in the next 10 years.

Keywords: restructuring, the Industry and Trade sector, industry, trade.